



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo quyết định số: 2579/QĐ-ĐHNL, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Mã ngành: 7540106

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202112	Toán cao cấp B1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202201	Vật lý 1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
4	202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
5	202301	Hóa học đại cương	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
6	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
7	202401	Sinh học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
8	202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
9	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
10	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
11	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
12	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	3			
13	200202	Quân sự 2 (thực hành)* (A)	3	90	0	90	0	0	0	1	3			
14	202113	Toán cao cấp B2	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202112		
15	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
16	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
17	210261	Anh văn học thuật 1	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
18	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
19	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	2			



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo quyết định số: 2579/QĐ-ĐHNL, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540106

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
20	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
21	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202113		
22	202504	Giáo dục thể chất 3*	1	45	0	0	45	0	0	2	1			
23	210262	Anh văn học thuật 2	3	45	45	0	0	0	0	2	1	210261		
24	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
25	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			55	1020	675	210	135	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202605	Kinh tế học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
2	202621	Xã hội học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	208453	Marketing căn bản	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	203516	Vi sinh học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	1	202401		
2	210204	Hóa sinh đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	1	202301		
3	210257	Anh văn chuyên ngành Công nghệ Thực Phẩm	4	60	60	0	0	0	0	2	1	210261		
4	210318	Nhiệt kỹ thuật thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202201		
5	210319	Kỹ năng phòng thí nghiệm	1	30	0	30	0	0	0	2	1	202301		
6	210314	Tính chất công nghệ vật liệu	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202201		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo quyết định số: 2579/QĐ-ĐHNL, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540106

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
7	210320	Kỹ năng báo cáo học thuật	1	15	15	0	0	0	0	2	2	210335		
8	210335	Thống kê ứng dụng và phương pháp thí nghiệm	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202121		
9	210371	Kỹ thuật thực phẩm 1	3	45	45	0	0	0	0	2	2	210318		
10	210601	Luật thực phẩm (A)	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202622		
11	210905	Rèn nghề 1	2	60	0	60	0	0	0	2	2	210204		
12	210209	Phụ gia thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	3	1	210204		
13	210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	3	60	30	30	0	0	0	3	1	210371		
14	210367	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	45	0	0	0	0	3	1	210335		
Cộng			34	615	405	210	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204534	Nông học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
2	206109	Thủy sản đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
3	211301	Công nghệ SH đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	210251	Hóa thực phẩm	3	45	45	0	0	0	0	2	2	210204		
2	210263	Thực hành Hóa thực phẩm	1	30	0	30	0	0	0	2	2	210251		
3	210103	Vi sinh thực phẩm	4	75	45	30	0	0	0	3	1	203516		
4	210133	Phân tích rủi ro (A)	3	60	30	30	0	0	0	3	1	210552		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo quyết định số: 2579/QĐ-ĐHNL, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540106

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
5	210518	Phân tích thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	1	210251		
6	210552	Nguyên lý đảm bảo chất lượng trong chế biến thực phẩm (A)	2	30	30	0	0	0	0	3	1	210103		
7	210110	Khoa học cảm quan và phân tích cảm quan thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210335		
8	210131	Văn hóa an toàn thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	3	2	210103		
9	210132	Phương pháp đánh giá chất lượng thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210518		
10	210134	Kiểm định nguồn gốc thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210251		
11	210135	Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm (A)	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210552		
12	210141	Phương pháp kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210103		
13	210506	An toàn vệ sinh thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	3	2	210103		
14	210514	Độc tố học thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	3	2	210204		
15	210906	Rèn nghề 2 (A)	2	60	0	60	0	0	0	3	2	210905		
Cộng			39	750	420	330	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 9 TC														
1	210136	Marketing thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	4	1	208453		
2	210201	Công nghệ Enzyme	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210204		
3	210203	Công nghệ sản xuất thức uống	4	75	45	30	0	0	0	4	1	210313		
4	210258	Quản trị chuỗi cung ứng thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210552		
5	210309	Công nghệ chế biến trà, cà phê, cacao	3	45	45	0	0	0	0	4	1	210371 210251		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo quyết định số: 2579/QĐ-ĐHNL, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540106

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
6	210339	Công nghệ chế biến sữa	4	75	45	30	0	0	0	4	1	210251		
7	210340	Công nghệ chế biến rau quả	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210313		
8	210372	Khoa học về thịt và công nghệ chế biến thịt	4	75	45	30	0	0	0	4	1	210313		
9	210403	Kỹ thuật ổn định thực phẩm bằng phương pháp đóng hộp	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210313		
10	210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210251 210371		
11	210420	Phát triển sản phẩm	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210313		
12	210502	Dinh dưỡng cơ sở	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210204		
13	210604	Đại cương về quản trị sản xuất công nghệ thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210552		
Cộng			37	660	450	210	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 6 TC														
1	210137	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	3	45	45	0	0	0	0	4	1	210506		
2	210138	Phương pháp phân tích nhanh chất lượng thực phẩm	3	30	30	0	0	0	0	4	1	210518		
3	210139	Thiết kế đảm bảo vệ sinh trong công nghiệp thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210135		
4	210140	Thiết kế hệ thống đảm bảo chất lượng trong công nghiệp thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210135		
Cộng			12	195	135	60	0	0	0					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo quyết định số: /QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày tháng năm của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540106

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	210142	Đồ án chuyên ngành	6	270	0	0	0	270	0	4	2			
2	210143	Tiểu luận tốt nghiệp	6	270	0	0	0	0	270	4	2			
3	210144	Khóa luận tốt nghiệp	12	540	0	0	0	0	540	4	2			
Cộng			24	1080	0	0	0	270	810					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 128

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 31

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 2 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)
2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + Đồ án chuyên ngành (6TC)

(A) Học phần cốt lõi, bắt buộc sinh viên phải đạt từ điểm C trở lên (tương đương từ điểm 2 hệ 4 hoặc 5,5 trở lên theo thang điểm 10)

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

Lưu ý: Ngoài số 159 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Hiệu trưởng

Trưởng Phòng Đào tạo

Trưởng Khoa



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

TS. Võ Thái Dân

PGS.TS. Kha Chấn Tuyên